

Bản án số: **13/2021/HS-ST**
Ngày 23 tháng 03 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G - TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Kh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nh

2. Ông Quách Thanh Tr

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc H – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng M – Kiểm sát viên.

Từ ngày 17 đến ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số /2021/HSST-QĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Kim Ph**, sinh năm 1980 tại B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã T, thị xã G, tỉnh B; Chỗ ở: Ấp Kh, xã T, thị xã G, tỉnh B; Nghề nghiệp: Công chức văn phòng – thống kê thuộc Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn X, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1949; Có chồng tên Trần Minh H, sinh năm 1982 và 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị khởi tố bị can ngày 27/3/2020 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983 – Là Luật sư của công ty luật trách nhiệm hữu hạn H.T.P, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị hại: Ông Lê Ngọc Kh, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Bà Điều, xã L, thành phố C, tỉnh C. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hồng Thúy Ng, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh B. (có mặt)

+ Ông Trần Minh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Nh, xã T, thị xã G, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/11/2019, bà Hồng Thúy Ng có làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 89, tờ bản đồ số 64 tọa lạc tại Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh B cho ông Lê Ngọc Kh với giá 600.000.000 đồng. Sau khi đối trừ các khoản thì ông Kh phải trả cho bà Ng 350.000.000 đồng, sau đó ông Kh trả trước cho bà Ng số tiền 320.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng hẹn sau khi làm thủ tục sang tên xong ông Kh trả đủ. Do ông Kh bận công việc kinh doanh không trực tiếp làm thủ tục sang tên nên có nhờ ông Lê Quốc Thịnh (là em ruột ông Kh) mang hồ sơ đến Phòng một cửa của Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh B để làm thủ tục sang tên cho ông Kh. Sau khi nộp hồ sơ, bộ phận kiểm tra hồ sơ có hướng dẫn ông Thịnh mang hồ sơ về Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G điều chỉnh từ đất ở nông thôn sang đất ở đô thị, do trước đây giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Hồng Thúy Ng thời điểm đó là huyện G, nay được nâng lên thị xã G nên phải điều chỉnh lại. Sau khi mang hồ sơ về thì ông Thịnh nhờ ông Trần Minh T (là đồng nghiệp làm chung cơ quan) ngụ ấp Nhân Dân A, xã T, thị xã G, tỉnh B mang hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã T làm thủ tục điều chỉnh giúp ông Kh.

Buổi sáng ngày 14/11/2019 ông T đến bộ phận 01 cửa của Ủy ban nhân dân xã T nộp hồ sơ ông Thịnh nhờ vào bộ phận địa chính, bộ phận địa chính đã chuyển hồ sơ cho Lê Thị Kim Ph, là công chức văn phòng – thống kê của Ủy ban nhân dân xã T có nhiệm vụ trực tiếp quản lý lai và thu các loại phí, lệ phí tại bộ phận một cửa của xã T kiểm tra hồ sơ. Sau khi kiểm tra hồ sơ, Lê Thị Kim Ph nói với ông T phần đất mà ông T đăng ký biến động hiện tại còn thiếu tiền thuế phi nông nghiệp, số tiền là 25.000.000 đồng, người nợ tiền thuế là bà Hồng Thúy Ng đứng tên phần đất chuyển nhượng cho ông Kh nên không thể đăng ký được. Nếu muốn đăng ký biến động thì phải nộp tiền thuế số tiền 25.000.000 đồng.

Sau đó, ông T điện thoại di động cho ông Thịnh và ông Kh thông báo nội dung bà Ng còn nợ tiền thuế phải nộp là 25.000.000 đồng thì ông Kh đồng ý nhờ ông T nộp giúp ông Kh. Đến khoảng 15 giờ ngày 14/11/2019 ông T đến gặp trực tiếp Ph tại bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã T nộp số tiền 25.000.000 đồng thì Ph xuất biên lai số 0017393 (Liên 2) thu phí, lệ phí “Phi nông nghiệp” số tiền 25.000.000 đồng, tên người nộp là Hồng Thúy Ng, địa chỉ ấp 1, xã T nhưng không ghi ngày, tháng, chỉ ghi năm 2019 và ký tên người thu tiền, không ghi họ và tên rồi đưa biên lai này cho ông T cùng hồ sơ. Cùng ngày, sau khi nhận được hồ sơ thì ông T điện thoại di động cho ông Kh đến Ủy ban nhân dân xã T để bàn giao toàn bộ hồ sơ cùng biên lai thu tiền cho ông Kh, đồng thời ông Kh có trả lại cho ông T số tiền 25.000.000 đồng, sau đó ông Kh đến phòng một cửa Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh B đăng ký sang tên.

Trong khoảng thời gian Lê Thị Kim Ph nhận số tiền 25.000.000 đồng từ ông T giúp ông Kh nộp tiền phí, lệ phí phi nông nghiệp cho bà Hồng Thúy Ng vào ngày 14/11/2019 thì Ph hoàn toàn không có nói cho bà Ng biết về việc thu số tiền này.

Đến ngày 10/02/2020, bà Hồng Thúy Ng không thấy ông Kh trả số tiền 30.000.000 đồng còn lại nên điện thoại yêu cầu ông Kh trả số tiền 30.000.000 đồng thì ông Kh thông báo ông đã nộp thuế “Phi nông nghiệp” cho bà Ng số tiền 25.000.000 đồng để hoàn chỉnh hồ sơ làm thủ tục sang tên thửa đất. Do cho rằng phần đất mình chuyển nhượng cho ông Kh không nợ thuế nên bà Ng yêu cầu ông Kh

gửi biên lai thu tiền thuê cho bà Ng thì ông Kh lấy điện thoại chụp hình biên lai số 0017393 (Liên 2) gửi qua Zalo cho bà Ng. Sau khi xem hình ảnh ông Kh gửi, bà Ng trực tiếp điện thoại di động cho Lê Thị Kim Ph hỏi việc ông Kh đóng số tiền 25.000.000 đồng là đúng hay sai, đóng tiền gì? Thì Ph trả lời cho bà Ng biết là tiền thuê đất.

Đến ngày 13/02/2020, bà Ng nhờ anh Võ Quốc Triều, là người làm thuê cho bà Ng đến xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau gặp ông Kh lấy biên lai thu tiền về. Sau đó sự việc được Ủy ban nhân dân xã T kiểm tra lại việc thu tiền thuê đất của bà Hồng Thúy Ng, thì phát hiện giữa Liên 1 và Liên 2 biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393 có nội dung và số tiền khác nhau, cụ thể:

Liên 1 số 0017393 ký hiệu 19AG-17P lưu tại tổ chức thu Ủy ban nhân dân xã T thể hiện: Biên lai thu phí, lệ phí: KS, tên đơn vị hoặc người nộp tiền: Trần Văn Điều, địa chỉ T, số tiền 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng), ghi ngày 15/11/2019, có chữ ký người thu tiền (không ghi họ và tên), ghi bằng mực bút bi.

Liên 2 số 0017393 ký hiệu 19AG-17P giao người nộp tiền, thể hiện: Biên lai thu phí, lệ phí: Phi nông nghiệp, tên đơn vị hoặc người nộp tiền: Hồng Thúy Ng, địa chỉ ấp 1, xã T, số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), không ghi ngày, tháng, năm 2019, có chữ ký người thu tiền (không ghi họ và tên), ghi bằng mực bút bi.

Ngày 14/02/2020, Ủy ban nhân dân xã T đã kiểm tra thì phát hiện sự việc Lê Thị Kim Ph đã thực hiện việc xuất biên lai thu phí, lệ phí không đúng quy định, nên Ủy ban nhân dân xã T có văn bản gửi cho Công an xã T để xác minh làm rõ theo quy định của pháp luật.

Đến tối ngày 16/02/2020, Lê Thị Kim Ph trực tiếp đến gặp và trả lại cho bà Ng số tiền 25.000.000 đồng tiền thu phí, lệ phí phi nông nghiệp và xin bà Ng cho nhận lại liên 2 biên lai thu phí, lệ phí số 0017393 và được bà Ng đồng ý đưa lại liên 2 cho Ph.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã G yêu cầu Lê Thị Kim Ph nộp lại liên 2, số 0017393 ký hiệu 19AG-17P, Biên lai thu tiền phí, lệ phí “Phi nông nghiệp”, tên người nộp: Hồng Thúy Ng mà Ph đã nhận lại từ bà Ng, nhưng Ph không giao nộp với lý do bị thất lạc không tìm thấy.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 26/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B đã truy tố bị cáo Lê Thị Kim Ph về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Kim Ph từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật hình sự, cấm bị cáo Ph đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 02 năm.

+ Về trách nhiệm dân sự: Ông Kh không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo Lê Thị Kim Ph xác định: Ngày 14/11/2019 ông Trần Minh T có đến Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G để xác nhận hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất

và sang tên của vợ chồng bà Hồng Thúy Ng với vợ chồng ông Lê Ngọc Kh. Ông T nhờ Ph trình ký sớm hồ sơ và có nói với Ph là ông Kh đồng ý trả thay cho bà Ng số tiền 25.000.000 đồng mà bà Ng đang nợ Ph và đề nghị Ph phải viết giấy nhận số tiền này. Trong thời gian chờ ký hồ sơ thì ông T ra quán cà phê phía trước ủy ban ngồi đợi. Ph thấy trên bàn làm việc có mấy tờ lai do khách để lại trên bàn nên lấy 01 tờ biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393 (Liên 2) còn đang trống nội dung rồi ghi tên người nộp tiền là bà Hồng Thúy Ng và số tiền 25.000.000 đồng, không ghi ngày tháng mà chỉ ghi năm 2019 rồi ký tên phần người thu tiền, không ghi họ và tên. Sau đó Ph đem hồ sơ đã ký xong và tờ biên lai nêu trên ra quán cà phê đưa cho ông T, ông T nhận và có đề nghị Ph ghi thêm tên loại phí, lệ phí là “Phí nông nghiệp”. Sau khi nhận hồ sơ và biên lai thì ông T đưa cho Ng gói giấy màu trắng, Ph nhận bỏ vào túi, tối về nhà mở ra xem thì có số tiền 30.000.000 đồng, Ph cũng không hiểu tại sao ông T lại đưa dư 5.000.000 đồng trong khi ông Kh chỉ trả nợ thay có 25.000.000 đồng, do không thể liên hệ với ông T nên Ph không thể trả 5.000.000 đồng này cho ông T. Đến khoảng 03 ngày sau ngày nhận tiền từ ông T thì Ph có điện thoại thông báo cho bà Ng biết về việc ông Kh trả nợ thay. Sau khi công an xã T, thị xã G làm việc liên quan đến việc Ph ra biên lai số 0017393 (Liên 2) thì buổi chiều tối cùng ngày Ph có đến nhà bà Ng cho Ng mượn lại số tiền 25.000.000 đồng rồi lấy lại bản gốc biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393 (Liên 2). Việc bị cáo nhận tiền 30.000.000 đồng từ ông T là do ông Kh trả nợ thay cho bà Ng 25.000.000 đồng nhưng ông T lại đưa dư 5.000.000 đồng, còn việc bị cáo ra biên lai số 0017393 (Liên 2) tuy có vi phạm trong việc quản lý và ra lai nhưng nội dung chỉ thể hiện bị cáo đã nhận số tiền 25.000.000 đồng mà bà Ng còn nợ, do ông Kh trả nợ thay bà Ng chứ không phải thể hiện bị cáo thu thuế phi nông nghiệp. Do đó bị cáo không có tội vì bị cáo không có chiếm đoạt tài sản của ai.

- Luật sư Nguyễn Thanh H bào chữa cho bị cáo Ph phát biểu: Như bị cáo Ph đã khai ở trên thì việc bị cáo ra biên lai số 0017393 (Liên 2) tuy có vi phạm trong việc quản lý và ra lai nhưng nội dung chỉ thể hiện bị cáo đã nhận số tiền 25.000.000 đồng mà bà Ng còn nợ, do ông Kh trả nợ thay. Do đó bị cáo không có tội vì bị cáo không có chiếm đoạt tài sản của ai. Việc bị cáo Ph có nhận số tiền 30.000.000 đồng từ ông T đưa là có xảy ra thực tế, nhưng trong đó có 25.000.000 đồng là tiền ông Kh trả nợ thay cho bà Ng và 5.000.000 đồng do ông T đưa dư. Việc ông Kh trả nợ thay cho bà Ng dù nay không được bà Ng, ông Kh và ông T thừa nhận nhưng được chứng minh tại bút lục 327 có nội dung viết tay: “Ng + Hùng có nhận thêm số tiền mặt 350.000.0000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)... Kể từ hôm nay Ng và Hùng không còn nợ tiền A. Kh nữa”. Nội dung này được viết ngày 14/11/2019, bút lục này là bản phô tô do bị cáo Ph nộp cho cơ quan điều tra, Ph không có bản chính nhưng tại phiên tòa bà Ng và ông Kh đều thừa nhận nội dung này. Điều này thể hiện ngày 14/11/2019 ông Kh chỉ đưa tiền mặt cho bà Ng 320.000.000 đồng nhưng có việc ông Kh trả nợ thay cho bà Ng bằng việc ông T đưa cho Ph 30.000.000 đồng nên bà Ng mới viết giấy nhận đủ số tiền nhận chuyển nhượng đất ông Kh còn nợ là 350.000.000 đồng. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Ph có nộp tờ biên nhận có nội dung: “Ph ngày 14/11/2019 đã nhận 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) của anh Kh trả thay cho chị Ng” có chữ ký của bà Ng, bà Ng lại không thừa nhận chữ ký nên cần hoãn phiên tòa để giám định chữ ký. Ngoài ra, trong lĩnh vực quản lý đất đai thì chỉ có “Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp” chứ không có “Phí phi nông nghiệp” nên

với vai trò công việc của ông T thì ông hoàn toàn có thể phân biệt được vấn đề này và không thể bị Ph nói dối để thu tiền được.

- Ông Lê Ngọc Kh trình bày: Ngày 11/11/2019 vợ chồng ông và vợ chồng bà Ng có ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 600.000.000 đồng đối với thửa đất 89, tờ bản đồ số 64 tại Ấp 1, xã T, thị xã G. Sau khi trừ các khoản trước đó trong làm ăn thì ông Kh phải trả cho bà Ng 350.000.000 đồng. Sau đó ông Kh nhờ em ruột là ông Lê Quốc Thịnh đi làm thủ tục sang tên, Thịnh nhờ lại ông Trần Minh T đến Ủy ban nhân dân xã T để ký xác nhận hồ sơ do nhà T ở gần ủy ban. Ngày 14/11/2019 ông T có điện báo với ông Kh là đất của bà Ng còn tiền thuế 25.000.000 đồng, phải đóng số tiền này mới chứng nhận được hồ sơ. Ông Kh đã nhờ ông T nộp số tiền này và hứa sẽ trả lại sau cho ông T. Đến buổi chiều cùng ngày 14/11/2019 ông T đã đưa lại hồ sơ cho ông Kh kèm theo biên lai lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393 (Liên 2) và ông Kh đã hoàn trả cho ông T 25.000.000 đồng. Tại Ủy ban nhân dân xã T ông Kh đã trả bà Ng số tiền mặt 320.000.000 đồng, nợ lại 30.000.000 đồng nhưng bà Ng lại viết nhận 350.000.000 đồng vì hai bên làm ăn tin tưởng nhau. Đến khoảng tháng 02/2020 bà Ng điện hỏi số tiền 30.000.000 đồng còn nợ thì ông Kh nói đã nộp thuế thay cho bà Ng 25.000.000 đồng, bà Ng nói mình không nợ thuế gì và cho người đến gặp ông Kh nhận lại biên lai lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393 (Liên 2). Sau này bị cáo Ph đã đưa lại cho bà Ng 25.000.000 đồng và Ng giữ để đối trừ nợ và ông Kh đã trả thêm 5.000.000 đồng cho Ng nên hai bên không còn nợ và ông cũng không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự với Ph, về trách nhiệm hình sự thì yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Hồng Thúy Ng khai: Bà và ông Kh có ký hợp đồng chuyển nhượng đất như ông Kh khai, hai bên thỏa thuận mọi thủ tục sang tên do ông Kh đi làm thủ tục. Ông Kh có giao cho bà 320.000.000 đồng tiền mặt, còn nợ lại 30.000.000 đồng nhưng do chỗ làm ăn tin tưởng nên bà Ng vẫn ghi nhận đủ 350.000.000 đồng do ông Kh hứa khi sang tên xong sẽ trả dứt điểm tiền. Sau khi ký hợp đồng và nhận 320.000.000 đồng thì lâu không thấy ông Kh trả tiền nên ngày 10/02/2020 bà Ng có điện hỏi ông Kh thì ông Kh nói nộp thuế cho bà Ng 25.000.000 đồng. Bà Ng nói mình không nợ thuế và yêu cầu ông Kh chụp hình biên lai thu tiền gửi qua ứng dụng Zalo cho bà Ng xem, sau đó cho người đến gặp ông Kh lấy lại biên lai lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393 (Liên 2). Đến chiều tối ngày 16/02/2020 Ph đến nhà gặp Ng xin lại bản chính biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393 (Liên 2) và đưa cho Ng 25.000.000 đồng nhờ đưa lại cho ông Kh nhưng Ng giữ lại số tiền này để đối trừ 30.000.000 đồng ông Kh còn nợ thì ông Kh cũng đồng ý. Trong suốt quá trình này bà Ng không hề nghe Ph hay ai khác nói về việc ông Kh đứng ra trả nợ thay cho bà 25.000.000 đồng, bà Ng cũng không hề nhờ ông Kh hay T trả nợ thay. Đối với biên nhận Ph nộp tại phiên tòa thì không phải chữ ký của bà Ng.

- Trong giai đoạn điều tra, ông Trần Minh T khai: ông Lê Quốc Thịnh có làm chung cơ quan nên có nhờ ông đến Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G để chứng nhận hồ sơ làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ng và ông Kh. Sáng ngày 14/11/2019 ông có đến Ủy ban nhân dân xã T trình ký hồ sơ thì Ph nói đất của bà Ng còn nợ thuế 25.000.000 đồng, phải nộp tiền này mới xác nhận hồ sơ được. Ông T đem hồ sơ về rồi điện thoại báo cho ông Thịnh và ông Kh thì ông Kh nhờ ông T đóng tiền dùm, ông Kh sẽ hoàn lại sau. Đến buổi chiều ngày 14/11/2019 ông T quay lại đưa hồ sơ cho Ph, Ph đi trình ký rồi giao lại hồ sơ cho T, T đã nộp tiền mặt 25.000.000 đồng cho Ph thì Ph viết và giao biên lai lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393

(Liên 2) cho ông T tại bàn làm việc chỗ Ph ngồi. Ngoài ra, ông T không đưa tiền gì khác cho Ph và cũng không nói gì việc ông Kh trả nợ thay cho bà Ng, ông T cũng không biết gì về việc nợ nần giữa ông Kh và bà Ng, cũng như giữa bà Ng và Ph. Sau khi nhận lại hồ sơ và biên lai lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393 (Liên 2) thì ông T đã đưa lại cho ông Kh và ông Kh đã hoàn trả ông T 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong ngày 14/11/2019, bị cáo Lê Thị Kim Ph có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của ông Lê Ngọc Kh tại xã T, thị xã G, tỉnh B. Vì vậy, hành vi của bị cáo Ph đã bị khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can là phù hợp. Bên cạnh đó, quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét lời khai của bị cáo Lê Thị Kim Ph về việc bị cáo cho rằng mình nhận số tiền 30.000.000 đồng là do ông Kh trả nợ thay cho bà Ng 25.000.000 đồng nhưng ông T lại đưa dư 5.000.000 đồng và việc bị cáo viết nội dung biên lai lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393 (Liên 2) đưa cho anh T để chứng minh đã nhận tiền bà Ng trả nợ chứ không nhằm mục đích thu thuế phi nông nghiệp. Thấy rằng:

Căn cứ lời thừa nhận của bị cáo Lê Thị Kim Ph thì bị cáo là người đã ra biên lai số 0017393 ký hiệu 19AG-17P, liên 2 đưa cho khách hàng, nội dung thể hiện: Biên lai thu phí, lệ phí: Phi nông nghiệp; tên đơn vị hoặc người nộp tiền: Hồng Thúy Ng, địa chỉ ấp 1, xã T; số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); hình thức thanh toán: TM; không ghi ngày, tháng, năm 2019, có chữ ký người thu tiền, không ghi họ và tên (sau đây gọi tắt là Liên 2) giao cho anh Trần Minh T để nhận tiền phù hợp với các biên bản ghi lời khai của bị hại Lê Ngọc Kh và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trần Minh T, bà Hồng Thúy Ng. Ban đầu bị cáo Ph khai Liên 2 sau khi lấy từ bà Ng về bị cáo làm thất lạc không nộp được, sau đó bị cáo lại khai sau khi đưa Liên 2 cho ông T thì bị cáo không biết Liên 2 này hiện đang ở đâu, nhưng bị cáo có xác nhận vào bản in hình chụp Liên 2 được gửi qua Zalo chữ viết và chữ ký trong Liên 2 là của mình. Vì vậy, việc bị cáo có ra Liên 2 là có xảy ra thực tế.

Trong giai đoạn điều tra bị cáo Ph liên tục thay đổi lời khai, cụ thể:

- Các lời khai ngày 14/02/2020, ngày 18/02/2020 và ngày 22/02/2020 Ph đều khai Liên 2 (ghi thu của bà Ng 25.000.000 đồng) là do Ph viết đưa cho bà Ng để nhắc bà Ng trả nợ nhưng Ng không trả nên Ph lấy lại lại, không có thu của Ng số tiền 25.000.000 đồng.

- Lời khai ngày 03/3/2020 Ph khai đưa Liên 2 cho người đàn ông không biết tên tại quán cà phê trước ủy ban và người này đưa cho Ph 25.000.000 đồng nói ông Kh trả nợ thay cho bà Ng. Sau đó bà Ng đến gặp Ph nói kẹt tiền xin lại 25.000.000 đồng, Ph đã đưa lại tiền cho Ng và nhận lại Liên 2 từ bà Ng.

- Ngày 04/3/2020 Ph viết bản tường trình nội dung: có một người nam nói ông Kh trả nợ thay cho bà Ng 25.000.000 đồng và yêu cầu Ph phải viết giấy nhận tiền. Ph nhìn trên bàn có mấy tờ lai do khách để lại nên lấy một tờ còn trống ghi tên bà Ng và số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó người nam này điện thoại kêu Ph ra quán cà phê, tại quán Ph đưa giấy vừa viết cho người nam và người nam này đưa một gói giấy vuông,

Ph nhận rồi bỏ vào túi. Khi Công an xã làm việc thì Ph thừa nhận do áp lực công việc nên lúc ra lai thu phí hộ tịch Ph in kê không đủ nên lai giao cho khách lại xót, Ph xé lai đồ đưa cho khách nhưng khách không lấy để lại trên bàn nên Ph lấy lai này ghi cho nhanh.

- Lời khai ngày 05/3/2020 khai tháng 11/2019 người đàn ông lạ trả nợ dùm Ng và Ph đưa Liên 2 cho người này, về nhà mở ra thấy đếm đủ 25.000.000 đồng.

- Ngày 08/3/2020 Ph viết bản tường trình nội dung: Lai 2 viết để nhắc khéo Ng trả nợ, sau đó để lẫn trong hồ sơ đưa cho anh T mà không biết, anh T nhận hồ sơ có đưa cho Ph gói giấy, về mở ra có 25.000.000 đồng nghĩ là ông Kh cho vì ký hồ sơ sớm. Sau khi công an xã làm việc Ph đã gặp Ng nhờ tìm anh Kh lấy lại lai 2 và đưa 25.000.00 đồng cho Ng nhờ đưa lại cho ông Kh. (Ngày 09/3/2020 cũng khai nội dung như trên).

- Ngày 18/3/2020 khai: khi Ng và ông Kh đến Ủy ban chứng giấy thì Ng không nhờ Ph lấy ông Kh 30.000.000 đồng ông Kh còn nợ Ng. Do anh T hứa chứng sớm hồ sơ sẽ hậu tạ nên chiều cùng ngày khi có mặt bà Ng và ông Kh tại Ủy ban nhưng Ph không đưa hồ sơ cho họ mà đưa cho anh T.

- Lời khai ngày 01/5/2020 khai thu tiền của ông Điền 50.000 đồng nhưng không nhớ lai số mấy, không nhớ lai ghi thu tiền của bà Ng 25.000.000 đồng là lai mấy và không có thu số tiền này.

- Ngày 05/5/2020 xác định tất cả các lời khai trước đây Ph khai đều không chính xác do áp lực của gia đình và xã hội nên tinh thần không ổn định, dù là do Ph tự nguyện khai báo.

- Ngày 28/7/2020 khai: ngày 14/11/2019 anh T có đưa cho Ph gói giấy trắng nói ông Kh trả thay cho Ng số tiền 25.000.000 đồng, khi đưa anh T có kêu Ph viết số tiền này vào lai thu. Do nóng lòng nhận tiền nợ nên Ph đã viết nội dung vào Liên 2 giao cho anh T để thể hiện có nhận tiền bà Ng trả. Khi nhận tiền không đếm, về mở ra thì thấy 30.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền Ph có điện cho Ng thì Ng đồng ý và xem như căn trừ vào số tiền 30.000.000 đồng ông Kh còn nợ Ng.

- Ngày 31/7/2020 khai: ngày 14/11/2019 T nhờ Ph trình ký hồ sơ và nói ông Kh đồng ý trả nợ thay cho Ng 25.000.000 đồng, T yêu cầu Ph viết biên lai có thu 25.000.000 đồng. Sau khi trình ký hồ sơ xong Ph đưa lại hồ sơ và Liên 2 cho anh T tại quán cà phê trước cơ quan, T đưa cho Ph gói giấy nói ông Kh trả nợ thay cho bà Ng, tối về nhà mở gói giấy có 30.000.000 đồng. Sau khi công an xã làm việc ngày 14/2/2020 thì bà Ng gặp Ph nói ông Kh không trả 30.000.000 đồng còn nợ mà trừ vào tiền thuế 25.000.000 đồng và trừ qua lô tôm, Ng than khổ nên Ph cho mượn lại 25.000.000 đồng.

- Ngày 13/9/2020 khai: có viết 1 biên lai thu phí phi nông nghiệp số tiền 25.000.000 đồng đưa cho anh T nhưng không nhớ lai số mấy và số của biên lai. Nội dung Liên 2 là anh T yêu cầu viết để về anh T đưa lại cho anh Kh.

- Ngày 23/10/2020 khai: quá trình khai có mâu thuẫn là do áp lực dư luận, sau này khai mới là đúng sự thật. Anh T nói ông Kh trả nợ thay cho Ng 25.000.000 đồng nhưng lại đưa 30.000.000 đồng thì không biết tại sao. Ph cũng không nói cho Ng và ông Kh về số tiền dư 5.000.000 đồng này mà dự định sẽ trả lại anh T nhưng không liên hệ được với anh T.

Các lời khai của bị cáo Ph từ ngày 03/3/2020 đến trước ngày 28/7/2020 đều thừa nhận bị cáo đưa Liên 2 cho ông T và nhận số tiền 25.000.000 đồng. Những lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của ông T, bà Ng và ông Kh về số tiền Ph đã

nhận là 25.000.000 đồng và phù hợp với số tiền thể hiện trong Liên 2. Từ lời khai ngày 27/7/2020 về sau và tại phiên tòa bị cáo lại khai nhận từ ông T 30.000.000 đồng, trong đó có 25.000.000 đồng ông Kh trả nợ thay cho bà Ng và 5.000.000 đồng ông T đưa dư, nhưng đây là lời khai của riêng bị cáo, không có căn cứ khác chứng minh bị cáo nhận số tiền từ ông T lên tới 30.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ngày 14/11/2019 bị cáo Ph là người đã viết Liên 2 đưa cho ông T và nhận từ anh T 25.000.000 đồng chứ không phải nhận tiền lên đến 30.000.000 đồng như bị cáo khai.

Về mục đích ra Liên 2 và nhận tiền 25.000.000 đồng: bị cáo cho rằng mục đích bị cáo ra Liên 2 nêu trên theo yêu cầu của anh Trần Minh T, việc bị cáo nhận tiền tại lời khai cuối cùng của bị cáo số tiền 30 triệu đồng từ anh Trần Minh T do ông Lê Ngọc Kh nhờ anh T trả nợ thay cho bà Hồng Thúy Ng chứ không nhằm mục đích ra biên lai thu tiền thuế phi nông nghiệp gì cả là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án cũng như lời khai của ông Kh và bà Ng tại phiên tòa, do đó không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ: Các lời khai của bị cáo ngày 14/02/2020, ngày 18/02/2020 và ngày 22/02/2020 thì bị cáo không hề đề cập đến việc ông Kh trả nợ thay cho bà Ng mà bị cáo khai Liên 2 (ghi thu của bà Ng 25.000.000 đồng) là do bị cáo viết để đưa cho bà Ng để nhắc bà Ng trả nợ nhưng bà Ng không trả nên bị cáo lấy lại lại, không có thu của bà Ng số tiền 25.000.000 đồng. Các lời khai của ông T đều khai đưa 25.000.000 đồng cho Ph là nộp thuế phi nông nghiệp theo yêu cầu của Ph và Ph thu tiền có giao Liên 2 cho ông T. Lời khai này của ông T cũng phù hợp với lời khai của ông Kh về việc ông T có báo với ông Kh phải nộp thuế 25.000.000 đồng, phù hợp với lời khai của bà Ng vì bà Ng khai sau khi nhận Liên 2 từ ông Kh thì có hỏi Ph nói việc thu tiền là đúng. Mặt khác, theo lời khai của Ph và nội dung Liên 2 thể hiện thì Liên 2 là Liên giao cho người nộp tiền. Qua lời khai của Ph và tại tờ tường trình ngày 04/3/2020 Ph trình bày: do mới chuyển qua bộ phận mới chưa quen nên biên lai thu số 0017393 Ph ghi Liên 1 rồi sao kê qua Liên 3, không có sao kê qua Liên 2. Ngày 14/11/2019 Ph nhìn trên bàn thấy có mấy tờ lai do khách hàng để lại trên bàn, Ph lấy 01 tờ còn đang trống ghi tên chị Ng và số tiền 25.000.000 đồng, nội dung này được thể hiện trên Liên 2 của biên lai thu số 0017393. Tuy nhiên, qua đối chiếu Liên 1 và Liên 3 của biên lai thu số 0017393 thể hiện thu của ông Trần Văn Điều 50.000 đồng ngày 15/11/2019. Như vậy thể hiện Liên 2 của biên lai thu số 0017393 đã được Ph xé ra ghi đưa cho ông T trước khi ghi Liên 01 thu của ông Điều 01 ngày nên việc Ph khai viết nội dung Liên 2 là theo yêu cầu của ông T để chứng minh Ph có nhận tiền ông Kh trả nợ thay cho bà Ng và Ph lấy đại 01 tờ lai khách hàng bỏ lại trên bàn để ghi là không có cơ sở, ngày 14/11/2019 chưa ra lai thu tiền của ông Điều thì không thể có việc ông Điều để Liên 2 lại trên bàn và nếu Liên chưa ghi nội dung thu thì không thể giao cho đương sự.

Như vậy, việc bị cáo khai nhận 30.000.000 đồng từ ông T là tiền ông Kh trả nợ thay cho bà Ng 25.000.000 đồng và ông T đưa dư 5.000.000 đồng và bị cáo ghi Liên 2 đưa cho ông T là theo yêu cầu của ông T để chứng minh đã nhận tiền nợ 25.000.000 là không có cơ sở, là do bị cáo nài ra những vấn đề không đúng sự thật đã được chứng minh trong quá trình điều tra nhằm quanh co, chối tội và đây cũng là lời khai duy nhất của các bị cáo, không có chứng cứ khác chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với ý kiến của vị Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng nội dung tại bút lục 327 (bản phô tô) có đoạn viết tay thể hiện bà Ng nhận đủ của ông Kh 350.000.000 đồng nhưng thực tế ông Kh chỉ giao cho bà Ng 320.000.000 đồng, nội dung này đều được ông Kh và bà Ng thừa nhận tại phiên tòa thể hiện có việc ông Kh trả nợ cho bà Ng 25.000.000 đồng, ông Kh và bà Ng đã đối trừ vào số tiền ông Kh còn nợ nên đủ

nhận tiền mặt 320.000.000 đồng nhưng bà Ng vẫn ghi nhận đủ 350.000.000 đồng. Thấy rằng đây là giao dịch dân sự giữa bà Ng và ông Kh thì ông Kh và bà Ng có quyền tự thỏa thuận. Nếu có việc cản trừ nợ như Luật sư trình bày thì bà Ng phải cản trừ cho ông Kh 25.000.000 đồng vì ông Kh chỉ trả nợ thay cho bà Ng 25.000.000 đồng chứ không thể cản trừ lên đến 30.000.000 đồng. Ông Kh và bà Ng không thừa nhận có việc cản trừ nợ này. Do đó đây không thể xem là căn cứ chứng minh cho lời khai không nhận tội của bị cáo. Mặt khác, Luật sư cho rằng “Biên nhận” bị cáo nộp tại phiên tòa thể hiện Ph có nhận 25.000.000 đồng do ông Kh trả nợ thay cho bà Ng, bà Ng không thừa nhận chữ ký của mình nên cần hoãn phiên tòa để giám định chữ ký của bà Ng. Thấy rằng tại Tòa bà Ng không thừa nhận chữ ký và bà cho rằng cho dù là chữ ký của bà cũng không có việc ông Kh trả nợ thay cho bà. Lời khai của bà Ng phù hợp với lời khai của ông Kh và ông T về việc ông Kh không trả nợ thay cho bà Ng nên không cần thiết phải hoãn phiên tòa để giám định chữ ký theo yêu cầu của Luật sư.

Theo lời khai của bị cáo Lê Thị Kim Ph thì nhiệm vụ, thẩm quyền của bị cáo không được thu thuế đất phi nông nghiệp là phù hợp với văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã T số 50/UBND ngày 26/3/2020 (bút lục 70) Ủy ban trả lời công chức Lê Thị Kim Ph không có trách nhiệm và không được phân công thu thuế đất phi nông nghiệp. Đồng thời, tại văn bản cung cấp thông tin số 09/CCT-NVQLT ngày 20/3/2020 của Chi cục thuế khu vực G – Đông Hải (bút lục 64) xác định bà Hồng Thúy Ng từ trước đến ngày 20/3/2020 không có phát sinh nợ tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số tiền 25.000.000 đồng.

Do đó, căn cứ vào những lời khai của bị cáo về việc có nhận tiền từ ông T và viết nội dung Liên 2 đưa cho ông T, căn cứ vào lời khai của ông T, ông Kh, bà Ng, căn cứ vào bản in Liên 2 đã được thu thập có xác nhận của bị cáo và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/11/2019, bị cáo Lê Thị Kim Ph, là công chức văn phòng – thống kê của Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh B có nhiệm vụ trực tiếp quản lý biên lai và thu các loại phí, lệ phí tại phòng một cửa của Ủy ban nhân dân xã T đưa ra thông tin gian dối là bà Hồng Thúy Ng còn nợ thuế phi nông nghiệp số tiền 25.000.000 đồng, sau đó sử dụng biên lai do mình quản lý thu số tiền 25.000.000 đồng do ông Trần Minh T nộp giúp cho ông Lê Ngọc Kh để chiếm đoạt, nhưng thực tế bà Hồng Thúy Ng không nợ thuế phi nông nghiệp và bản thân Ph không có thẩm quyền thu thuế phi nông nghiệp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G truy tố bị cáo Lê Thị Kim Ph về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo Điều 355 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Xét thấy: Bị cáo Ph thực hiện hành lạm dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản vì mục đích vụ lợi. Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị Kim Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật hình sự. Vì vậy, việc xét xử bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 355 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng

nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm...”

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo đã đưa ra thông tin không đúng sự thật để thu số tiền 25.000.000 đồng của ông Kh do ông T nộp thay trong lĩnh vực thuế không phải do mình phụ trách. Hành vi đó đã xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn của chính quyền địa Ph, của cơ quan Nhà nước, đến quyền sở hữu tài sản của công dân; gây ảnh hưởng xấu đến chính sách thuế của nhà nước, làm cho người dân mất lòng tin vào sự quản lý của Nhà nước. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có căn cứ quyết định hình phạt phù hợp với hành vi của bị cáo: như đã phân tích ở trên, có căn cứ xác định bị cáo Ph đưa lại cho bà Ng 25.000.000 đồng là nhờ bà Ng trả lại cho ông Kh, còn việc bà Ng giữ lại số tiền này để cân trừ nợ với ông Kh thì đây là thỏa thuận dân sự giữa bà Ng và ông Kh. Do đó, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp. Ngoài ra, bị cáo có mẹ ruột là bà Trần Thị Hạnh là Dân quân, Du kích tập trung được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Ngoài việc buộc bị cáo phải chịu hình phạt chính cần tuyên buộc hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định để đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và còn có tác dụng giáo dục đối với các hành vi phạm tội tương tự xảy ra.

[3] Về vật chứng: Đối với các vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra là căn cứ để xác định tội danh đối với bị cáo nên cơ quan điều tra đã lưu hồ sơ vụ án là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Ngọc Kh và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì với bị cáo nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Kim Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim Ph phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim Ph 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật hình sự: Cấm bị cáo Lê Thị Kim Ph đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Buộc các bị cáo Lê Thị Kim Ph phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TX. G;
- VKSND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Nhà tạm giữ CATX G;
- Chi cục THADS TX. G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**